

Số: 1432/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về các học phần bổ sung kiến thức đầu vào các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đối với thí sinh có bằng đại học thuộc các khối ngành khác**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ - ĐHTM ngày 5/9/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại;


Căn cứ vào kết luận tại cuộc họp của Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường ngày 2 tháng 10 năm 2018;

Xét đề nghị của Ông Trưởng Phòng Quản lý Khoa học;

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Quyết định danh sách các học phần bổ sung kiến thức đầu vào cho các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đối với thí sinh tốt nghiệp đại học các khối ngành khác (Kỹ thuật, Công nghệ, Tự nhiên và Khoa học xã hội – nhân văn) (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quyết định trước đây trái với quyết định này không còn hiệu lực.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng QLKH, KT&ĐBCL, TTr, KHTC, Trưởng Khoa Sau đại học và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu trữ Trường,
- P. QLKH, K. SDH

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**GS,TS. Đinh Văn Sơn**

**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐẦU VÀO  
CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHO  
ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CÁC NGÀNH KHÁC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1482/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2018)

<b>1</b>	<b>Chuyên ngành Kinh doanh thương mại</b>	<b>15 TC</b>	Cấu trúc
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36.9
2	Kinh tế vi mô 1	3	36.9
3	Nghiên cứu marketing	3	36.9
4	Marketing thương mại	3	36.9
5	Quản trị Logistics kinh doanh	3	36.9
<b>2</b>	<b>Chuyên ngành Quản lý kinh tế</b>	<b>15 TC</b>	
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36.9
2	Kinh tế vi mô 1	3	36.9
3	Kinh tế công	3	36.9
4	Quản lý nhà nước về thương mại	3	36.9
6	Kinh tế thương mại 1	3	36.9
<b>3</b>	<b>Chuyên ngành Quản trị kinh doanh</b>	<b>15 TC</b>	
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36.9
2	Kinh tế vi mô 1	3	36.9
3	Quản trị chiến lược	3	36.9
4	Quản trị sản xuất	3	36.9
5	Marketing thương mại	3	36.9
<b>4</b>	<b>Chuyên ngành Kế toán</b>	<b>9</b>	
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36.9
2	Kinh tế vi mô 1	3	36.9
3	Kế toán tài chính 1	3	36.9
4	Kế toán quản trị	3	36.9
5	Kiểm toán căn bản	3	36.9
<b>5</b>	<b>Chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng</b>	<b>15 TC</b>	
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36.9
2	Kinh tế vi mô 1	3	36.9
3	Tài chính doanh nghiệp	3	36.9
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3	36.9
5	Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	3	36.9
<b>6</b>	<b>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</b>	<b>15 TC</b>	
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36.9
2	Kinh tế vi mô 1	3	36.9
3	Kinh tế du lịch	3	36.9
4	Marketing du lịch	3	36.9
5	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	36.9
<b>7</b>	<b>Quản trị nhân lực</b>	<b>15 TC</b>	

1	Kinh tế vĩ mô 1	3	36.9
2	Kinh tế vi mô 1	3	36.9
3	Quan hệ lao động	3	36.9
4	Hoạch định nguồn nhân lực	3	36.9
5	Trả công lao động	3	36.9

\* Tổng số tín chỉ học bổ sung đối với thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành khác: 15TC

\* Học viên được miễn các học phần đã học ở bảng 1 có số tín chỉ tương đương



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Đinh Văn Sơn